

Bản án số: 107/2026/DS-ST

Ngày: 28/01/2026

V/v “Trách chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Tiến Bình

2. Ông Lê Văn Ngọc

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Chinh, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 981/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2025 về “Trách chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 824/2025/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2025 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2026/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng A, Trụ sở: Đường A, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Hà T, sinh năm 1987, CCCD: 064187010470 cấp ngày 10/5/2021; Địa chỉ: đường N, phường M, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số: 016956.26 ngày 15/01/2026) - Có mặt.

- Bị đơn: Ông Trương Ngọc A, sinh năm: 1988, CCCD số: 046088000054; Địa chỉ: đường X, phường Y, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/5/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Ngân hàng A có bà Trần Thị Hà T đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 14/02/2022, ông Trương Ngọc A có ký đề nghị phát hành thẻ tín dụng mở và sử dụng tài khoản với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Quận 2 - Phòng giao dịch Gia Định (sau đây viết tắt là Ngân hàng). Ngày 04/03/2022, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng số : 5130940000297977, số tài khoản

thẻ : C000000000597320, loại thẻ : VIB Travel Elite cho ông Anh, hạn mức thẻ 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng, ngày thAtoán là ngày 14 hàng tháng; thời hạn hết hiệu lực sử dụng thẻ 05 năm, lãi suất, phí thỏa thuận theo Bảng chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB, mục đích vay tiêu dùng cá nhân, hình thức tín chấp. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông A đã không thAtoán đầy đủ cho ngân hàng theo thông báo giao dịch hàng tháng. Ngày 17/03/2023 ngân hàng đã chuyển khoản nợ thẻ của ông A sang nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ trước hạn. Tính đến ngày 28/01/2026 ông A còn nợ ngân hàng tổng số tiền 453.066.099 (Bốn trăm năm mươi ba triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn không trăm chín mươi chín) đồng. Trong đó: nợ gốc 281.820.443 đồng, nợ lãi : 124.964.462 đồng, phí: 46.281.194 đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu một mình ông A phải thAtoán số tiền còn nợ là 453.066.099 (Bốn trăm năm mươi ba triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn không trăm chín mươi chín) đồng, yêu cầu thAtoán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Buộc ông A có trách nhiệm thAtoán khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 29/01/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo mức lãi suất nợ quy định tại đề nghị phát hành thẻ ngày 14/02/2022 và bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB.

Bị đơn ông Trương Ngọc A vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện:

Bị đơn ông Trương Ngọc A vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đều đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trAluận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: quan hệ trA chấp giữa các đương sự là trA chấp hợp đồng tín dụng. Theo kết quả xác minh của Công an Phường Tân Sơn, Thành phố Hồ Chí Minh trả lời “*Ông Trương Ngọc A, sinh năm 1988 có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: đường X, phường Y, Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2018 đến nay. Bản nhà tạm vắng đi đâu không rõ, rà soát trên dữ liệu dân cư không thể hiện nơi ở mới*”. Nhận thấy trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ cư trú của người bị kiện theo địa chỉ trong đề nghị phát hành thẻ ngày 14/02/2022, nhưng người bị kiện không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi địa chỉ cư trú mà không thông báo cho người khởi kiện biết về địa chỉ cư trú mới của mình làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện

nên theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự và hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xác định đây thuộc trường hợp người bị kiện cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 và hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05-5-2017 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Adên Tòa để tham gia xét xử nhưng Avắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 207; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án lập biên bản ghi nhận về việc không tiến hành hòa giải được và tiến hành xét xử vắng mặt ông Anh.

Về việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh: Trong vụ án này Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ bằng hình thức xác minh nơi cư trú của bị đơn. Theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự và hướng dẫn tại khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 01-8-2012 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao, trường hợp này Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh pA tham gia phiên tòa theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] : Về yêu cầu bị đơn thA toán tiền gốc và lãi :

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và đã được xem xét tại phiên tòa cùng lời trình bày của đương sự có đủ cơ sở xác định ngày 04/03/2022 ông Acó vay tổng cộng 281.820.443 (Hai trăm tám mươi một triệu tám trăm hai mươi nghìn bốn trăm bốn mươi ba) đồng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam theo đề nghị phát hành thẻ ngày 14/02/2022. Theo đó, ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng số : 5130940000297977, số tài khoản thẻ : C000000000597320, loại thẻ : VIB Travel Elite cho ông Anh, hạn mức thẻ 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng cho ông Anh. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 28/01/2026 là 453.066.099 (Bốn trăm năm mươi ba triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn không trăm chín mươi chín) đồng. Trong đó: nợ gốc 281.820.443 đồng, nợ lãi : 124.964.462 đồng, phí: 46.281.194 đồng.

Việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm thA toán số tiền nợ của thẻ tín dụng số : 5138920346114765, số tài khoản thẻ : C000000000597320 là 453.066.099 (Bốn trăm năm mươi ba triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn không trăm chín mươi chín) đồng và tiền lãi tiếp tục tính từ ngày 29/01/2026 cho đến khi bị đơn thA toán dứt nợ vay theo mức lãi suất nợ quy định tại đề nghị phát hành thẻ ngày 14/02/2022 và bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB là phù hợp theo quy định tại Khoản 2 Điều 91 và Khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên được chấp nhận.

[2.2] Về thời hạn thA toán :

Do ông Avi phạm thời hạn thA toán theo thỏa thuận, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng nên Ngân hàng yêu cầu ông A phải thA toán số

tiền còn nợ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Trương Ngọc A vắng mặt không có lý do cũng như không đưa ra bất kỳ một phản hồi nào hoặc chứng cứ nào để chứng minh cho quan điểm của mình. Vì vậy, ông A phải chịu hậu quả pháp lý đối với việc vắng mặt của mình theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: bị đơn ông Trương Ngọc A chịu theo quy định của pháp luật. Hoàn lại tiền tạm nộp án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 207 ; Khoản 1, Khoản 2 Điều 227; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 2, 4 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 8; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam:

1.1. Buộc ông Trương Ngọc A có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam số tiền nợ thẻ tín dụng số: 5130940000297977, số tài khoản thẻ : C000000000597320 tạm tính đến ngày 28/01/2026 là 453.066.099 (Bốn trăm năm mươi ba triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn không trăm chín mươi chín) đồng. Trong đó: nợ gốc 281.820.443 đồng, nợ lãi : 124.964.462 đồng, phí: 46.281.194 đồng.

Ông Trương Ngọc A còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 29/01/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo mức lãi suất nợ quy định tại đề nghị phát hành thẻ ngày 14/02/2022 và bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB.

Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trương Ngọc A phải chịu 22.122.644 (Hai mươi hai triệu một trăm hai mươi hai nghìn sáu trăm bốn mươi bốn) đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam số tiền tạm ứng án phí 11.023.623 (Mười một triệu không trăm hai mươi ba nghìn sáu trăm hai mươi ba) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0027556 ngày 16/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị theo luật định.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKSND KV4 - TP. HCM;
- Thi hành án dân sự TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thị Thu Hiền